TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 17 – 6 -2022.
“ Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Trọng Hà và bà Nguyễn Thị Loan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Huề - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 93/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/QĐXX-ST ngày 26/4/2022 và Quyết định hoãn số: 04/2022/QĐST – HNGĐ ngày 26/5/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích Lan, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Thôn 2, xã An Nhơn, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “ Có mặt”

* Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Thiên, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Thôn 2, xã An Nhơn, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “ Vắng mặt lần 2 không có lý do”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2021 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của chị Nguyễn Thị Bích Lan trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau từ năm 1994 hai bên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Nhơn, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chị sống không hạnh phúc, tính tình không hợp thường xảy ra mâu thuẫn. Ngày

22/4/2021 chị L đã nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tuy nhiên chị L đã rút đơn ly hôn với mục đích mong muốn vợ chồng hàn gắn cùng nuôi dạy con chung. Mặc dù vậy, anh T vẫn không thay đổi tính tình, bản thân chị L cũng không còn tình cảm với anh T do đó một lần nữa chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có 04 con chung là: Nguyễn Thị Bạch T, sinh ngày 29/9/1992; Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 10/3/1998; Nguyễn Hữu Duy P, sinh ngày 04/4/2007 và Nguyễn Hữu Bảo N, sinh ngày 10/10/2011. Hiện nay hai cháu Nguyễn Thị Bạch T và Nguyễn Thị Hồng N đã thành niên đủ 18 tuổi có khả năng tự nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu gì. Đối với hai cháu Nguyễn Hữu Duy P, sinh ngày 04/4/2007 và Nguyễn Hữu Bảo N, sinh ngày 10/10/2011 còn nhỏ nên chị yêu cầu được nuôi con và đề nghị anh Thiên cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Bị đơn anh Nguyễn Hữu T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cho anh T. Tuy nhiên, anh T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Qúa trình tố tụng và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Bích L tiếp tục yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu T, đồng thời yêu cầu nuôi 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án như sau:

+ Thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, bị đơn vắng mặt không có lý do.

+ Nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích L đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T vì tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Về con chung: Giao 02 con là Nguyễn Hữu Duy P, sinh ngày 04/4/2007 và Nguyễn Hữu Bảo N, sinh ngày 10/10/2011 cho chị Nguyễn Thị Bích L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Về tài sản và nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết; Án phí: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Ngoài ra, Viện kiểm sát không kiến nghị gì về việc thụ lý, giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Bích L có đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh Nguyễn Hữu T, trú tại thôn 2, xã An Nhơn, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và yêu cầu nuôi con. Do vậy, việc xác định tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện ban đầu được Tòa án thụ lý thì chị L yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu nuôi 02 con, ngoài ra anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho 02 cháu. Tuy nhiên, quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị L xin thay đổi nội dung đơn khởi kiện: Chị yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu nuôi hai con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện nói trên là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết là phù hợp với Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Hữu T đã được tống đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên xét xử vắng mặt anh Thiên.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Lan đề nghị ly hôn đối với anh Nguyễn Hữu Thiên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích L kết hôn với anh Nguyễn Hữu Thiên từ năm 1994 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã An Nhơn, Huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở tự nguyện. Do vậy quan hệ nhân của anh chị xác lập là hoàn toàn hợp pháp.

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện chị L và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không mang lại hạnh phúc cho nhau. Trước đó, tháng 4 năm 2021 chị L đã yêu cầu ly hôn với anh T được Tòa án thụ lý để giải quyết, tuy nhiên chị L đã rút đơn để suy nghĩ lại về cuộc sống hôn nhân của mình. Tuy nhiên sau khi rút đơn ly hôn thì vợ chồng anh chị vẫn không thay đổi và hạnh phúc hơn so với trước. Do vậy, chị nộp đơn ly hôn trở lại và qúa trình giải quyết vụ án chị không mong muốn hòa giải đoàn tụ với anh T nữa nên đề

nghị Tòa án không tiến hành hòa giải để giải quyết ly hôn với anh T theo quy định.

Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống vợ chồng chị L không mang lại hạnh phúc và lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị L và anh T có 04 con chung tuy nhiên 02 cháu Nguyễn Thị Bạch T, sinh ngày 29/9/1992 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 10/3/1998 đã thành niên có khả năng lao động nuôi sống bản thân, chị L không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với 02 cháu là Nguyễn Hữu Duy P, sinh ngày 04/4/2007 và Nguyễn Hữu Bảo N, sinh ngày 10/10/2011 còn nhỏ. Do anh T đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà nên 02 con chung đều được chị L trực tiếp chăm lo đảm bảo việc sinh hoạt cũng như việc học tập. Qúa trình tố tụng, hai con của anh chị cũng có đơn xin ở với mẹ. Bên cạnh đó, quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh T cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do vậy, nhằm đảm bảo sự ổn định và sự phát triển mọi mặt của các con nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần tiếp tục giao 02 con Nguyễn Hữu Duy P, sinh ngày 04/4/2007 và Nguyễn Hữu Bảo N, sinh ngày 10/10/2011 cho chị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Do chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nợ chung: Vợ chồng anh chị không nợ ai.

[5] Án phí: Chị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 150, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích L đề ngày 28/10/2021.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Giao các con là Nguyễn Hữu Duy P, sinh ngày 04/4/2007 và Nguyễn Hữu Bảo N, sinh ngày 10/10/2011 cho chị Nguyễn Thị Bích L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000328 ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo nội dung bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh lâm Đồng để xin xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Thi hành án;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Loan **Đinh Trọng Hà** **Nguyễn Thị Mỹ Diễm**